

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án
Nhà máy sản xuất dây điện ô tô tại Lô D1, Khu công nghiệp Tam Thăng
(thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai), xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất dây điện ô tô gửi kèm Công văn số 19.10/CV-CSBS ngày 19/10/2020 của Công ty TNHH Draexlmaier Automotive Việt Nam về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất dây điện ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 879/TTr-STNMT ngày 30/11/2020 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất dây điện ô tô với diện tích nhà xưởng 11.000 m² và diện tích văn phòng 416 m² (thuê lại từ Công ty TNHH MTV Panko E&D) tại Lô D1, Khu công nghiệp Tam Thăng (thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai), xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ do Công ty TNHH Draexlmaier Automotive Việt Nam làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai; Chủ tịch UBND xã Tam Thăng, Giám đốc Công ty TNHH Draexlmaier Automotive Việt Nam, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐIỆN Ô TÔ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2020
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Phạm vi Dự án:

Dự án Nhà máy sản xuất dây điện ô tô triển khai thực hiện tại Lô D1, KCN Tam Thăng, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Thực hiện trên diện tích nhà xưởng 11.000 m² và diện tích văn phòng 416 m² (thuê lại từ công ty TNHH MTV Panko E&D). Tứ cận tiếp giáp của Dự án được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp đường nội bộ và khu vực tường rào của Công ty TNHH MTV Panko E&D.

- Phía Tây: Giáp đường nội bộ Công ty TNHH MTV Panko E&D và Công ty TNHH Sin Jeong Vina, Công ty TNHH Ilsong Vina (thuộc phạm vi Dự án: “Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê” của Công ty TNHH MTV Panko E&D).

- Phía Nam: Giáp đường nội bộ và khu vực tường rào của Công ty TNHH MTV Panko E&D.

- Phía Bắc: Giáp đường nội bộ Công ty TNHH MTV Panko E&D.

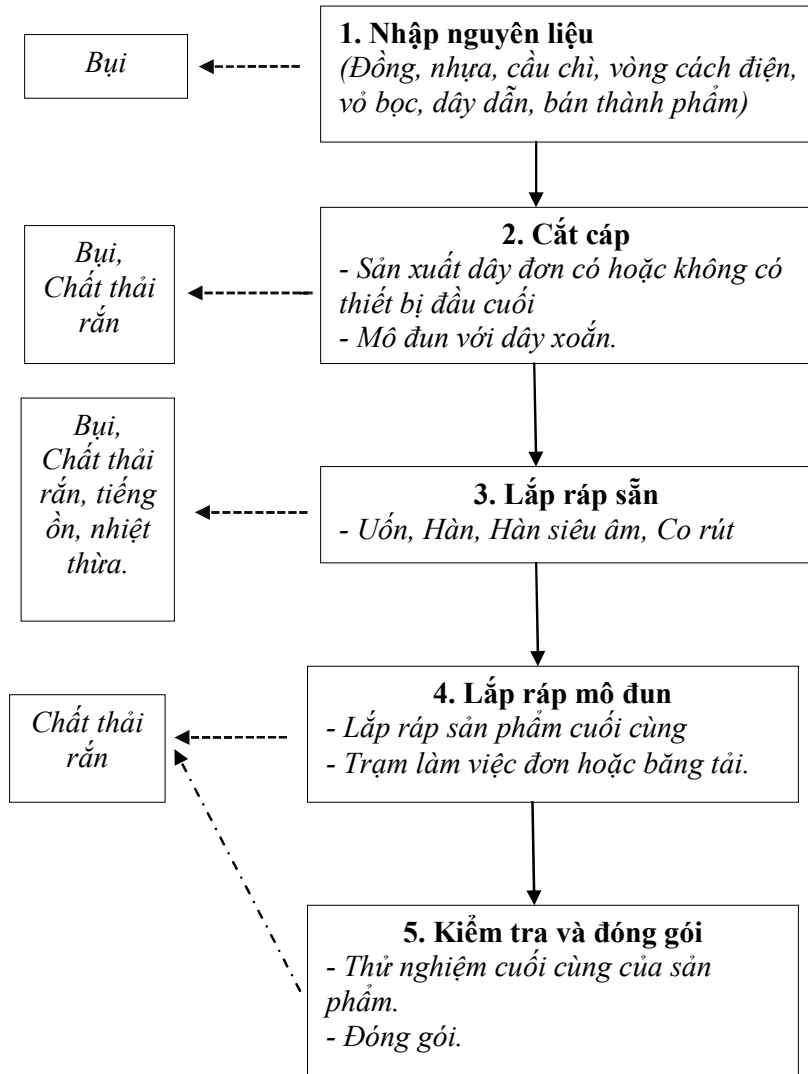
1.2. Quy mô của Dự án:

Công suất của dự án: 70.000 bộ dây điện/năm (tương đương với 2.450 tấn/năm).

1.3. Các hạng mục chính của Dự án:

Các hạng mục công trình gồm: Khu sản xuất, khu xuất, nhập hàng, phòng gia công, phòng khí nén, phòng IT, kho SI, máy chủ 1, máy chủ 2, khu pha chế, văn phòng vận chuyển, văn phòng tuyển dụng, phòng kỹ thuật điện 1, phòng kỹ thuật điện 2, phòng tủ điện hạ thế chính, phòng tủ điện hạ thế 1, phòng tủ điện hạ thế 2, văn phòng mở 1, văn phòng 1, phòng họp 1, văn phòng mở 2, văn phòng 2, phòng họp 2, phòng y tế.

1.4. Công nghệ sản xuất:



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn thi công lắp đặt:

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn, nhiệt thừa.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy

hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn thi công lắp đặt:

- Tiếng ồn, bụi thải: : phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thi công cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm và các quá trình giao thông đi lại cán bộ công nhân viên.

- Nhiệt thừa: Nhiệt thừa phát sinh từ hoạt động của các loại máy móc.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

a) Trong giai đoạn thi công lắp đặt:

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công: lưu lượng nước thải phát sinh 1,8 m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng nước thải phát sinh 13,5 m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

a) Trong giai đoạn thi công lắp đặt:

- Chất thải rắn thải xây dựng trong quá trình thi công khoảng 50 kg/ngày.

- Chất thải rắn thải sinh hoạt trong quá trình thi công khoảng 20 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải thải sinh hoạt của công nhân viên trong quá trình hoạt động khoảng 300 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất chủ yếu là: cáp, Pvc, thùng carton, nhựa... Khối lượng ước tính 69,4 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Trong quá trình thi công xây dựng: chủ yếu phát sinh dầu mỡ, giẻ lau dính dầu, ắc quy thải, bóng đèn, kim loại dính dầu mỡ... Ước tính khối lượng khoảng 5kg/ngày.

- Trong giai đoạn hoạt động: chủ yếu phát sinh dầu mỡ, giẻ lau máy móc dính dầu, mực in khô, bóng đèn huỳnh quang hỏng.... Khối lượng ước tính khoảng 5,5 kg/ngày.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Về xử lý bụi và khí thải:

- Phun nước phía trước lối ra vào công và đường nội bộ trong khu vực nhà xưởng Panko E&D để giảm thiểu sự phát tán bụi vào không khí, đặc biệt là lúc trời nắng với tần suất 3 lần/ngày (sáng, trưa, chiều).

- Các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng chạy đúng tốc độ quy định đóng kín thùng xe và phủ bạt, đảm bảo không để rơi vãi chất thải trên các tuyến đường.

- Mua nhiên liệu tại các cơ sở uy tín và mua nhiên liệu phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển theo hướng dẫn và yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo sử dụng đúng loại nhiên liệu và bảo đảm chất lượng hạn chế khí thải phát sinh.

- Khi thực hiện chà Mattis, sơn vách ngăn, sơn chống rỉ khi trong giai đoạn hoàn thiện công trình thực hiện:

+ Sử dụng thiết bị chà Mattis có bộ phận hút bụi.

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (như: găng tay, khẩu trang...) cho công nhân.

+ Sau mỗi đợt chà Mattis bố trí công nhân dùng máy hút bụi thu dọn toàn bộ trước khi thực hiện chà lần 2 và trước khi thực hiện sơn.

3.1.2. Về xử lý nước thải

- Sử dụng 2 nhà vệ sinh đã có tại khu vực nhà xưởng do Công ty TNHH MTV PanKo E&D đầu tư xây dựng. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có thể tích 20 m³ (tương ứng 10m³/01 bể). Nước thải sau bể tự hoại sẽ được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Thăng.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH):

- Thu gom, xử lý CTR:

+ CTR xây dựng: Thực hiện thu gom, phân loại và lưu chứa tạm thời tại 3 thùng rác bố trí tại các vị trí góc cuối của nhà xưởng (loại 120-240 lít) và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 3 lần/tuần đến thu gom và mang đi xử lý.

+ CTR sinh hoạt: Thu gom, phân loại lưu chứa tạm thời tại 2 thùng rác 120 lít bố trí tại các vị trí góc cuối của nhà xưởng để thu gom rác sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ 3 lần/tuần đến thu gom và mang đi xử lý.

- Thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH): Thu gom, phân loại, lưu chứa tạm thời tại 2 thùng phuy chuyên dụng, có nắp đậy kín và đảm bảo không bị rò rỉ

ra môi trường, có dán nhãn cảnh báo bố trí tại khu vực cuối nhà xưởng, hợp đồng đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:

- Chủ đầu tư sẽ thực hiện lắp đặt quạt trần công nghiệp và quạt gắn tường để thông thoáng nhà xưởng tại các khu vực phát sinh nhiệt.

- Bố trí công nhân thu dọn, vệ sinh khu vực nhà xưởng sản xuất, khu vực tập kết nguyên liệu, kho chứa và khu vực đường giao thông xung quanh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.

- Các phương tiện vận chuyển khi ra vào nhà máy phải chạy chậm với tốc độ tối đa 20km/h. Trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu - sản phẩm không để xe nổ máy.

- Điều phối xe hợp lý để tránh tình trạng tập trung quá nhiều các phương tiện vận chuyển trong phạm vi khu vực lân cận nhà xưởng tại cùng một thời điểm.

- Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng tải trọng cho phép của nhà sản xuất.

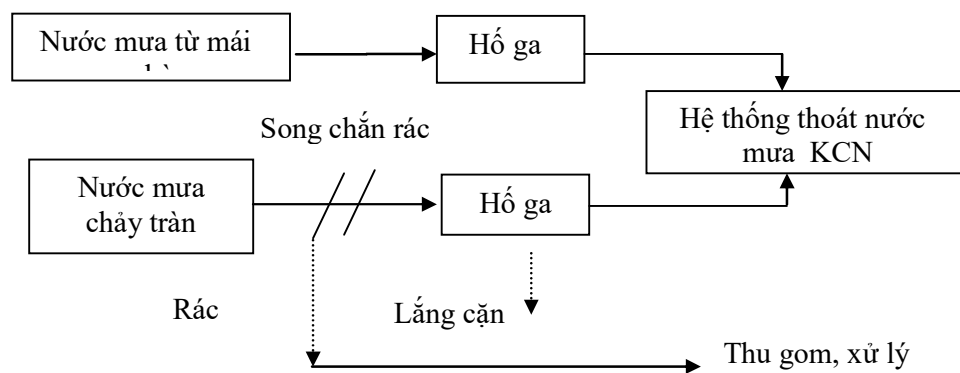
3.2.2. Về xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt

Sử dụng 3 nhà vệ sinh đã có do Công ty TNHH MTV PanKo E&D đầu tư xây dựng. Nước thải được xử lý tại 3 bể tự hoại (02 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng có thể tích 10m³/1 bể, 01 bể tại nhà vệ sinh ở văn phòng có thể tích 5m³), Nước thải sau bể tự hoại sẽ được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Thăng.

c) Nước mưa chảy tràn

Sử dụng hệ thống thu gom và thoát nước mưa đã có do Công ty TNHH MTV PanKo E&D đầu tư xây dựng, sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước như sau:



3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR)

- Chất thải sinh hoạt: Thu gom, phân loại đưa về kho lưu chứa tạm thời và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý theo quy định định kỳ 2 lần/tuần.

- Chất thải sản xuất: Thu gom, phân loại đưa về kho lưu chứa tạm thời và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý theo quy định định kỳ 2 lần/tuần.

- Kho chứa CTR tạm thời: Bố trí tại cuối nhà xưởng sản xuất với kết cấu: Thân được lắp dựng bằng vách thạch cao chống cháy, mặt sàn được bê tông bảo đảm kín khí không bị thấm thấu và tránh nước chảy từ bên ngoài vào, có rãnh và hố thu nước bên trong, dán nhãn mác cảnh báo. Diện tích kho chứa CTR: 20,3 m²

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Thu gom và lưu giữ lưu trữ trong các thùng chứa đặt tại kho chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

- Kho chứa CTNH: Bố trí liền kề kho chứa CTR với kết cấu: Thân lắp dựng bằng vách thạch cao chống cháy, mặt sàn được bê tông bảo đảm kín khí không bị thấm thấu và tránh nước chảy từ bên ngoài vào, có rãnh và hố thu nước bên trong. Công ty sẽ phân loại, dán nhãn CTNH cho từng loại, diện tích kho chứa CTNH: 11 m².

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

TT	Tên công trình	Diện tích, thể tích, số lượng	Ghi chú
1	Bể tự hoại	- 01 bể ở văn phòng có thể tích 5m ³ - 02 bể ở nhà xưởng số 2 có thể tích 10m ³ /bể.	Có sẵn
2	Hệ thống đường ống thoát nước thải	207,5m	Có sẵn
3	Kho chứa CTR	20,3 m ²	
4	Kho chứa CTNH	11,0 m ²	
5	Quạt thông gió công nghiệp	15 cái	Có sẵn
6	Quạt trần công nghiệp và quạt gắn tường.	17 cái	

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
I Giai đoạn xây dựng					
1	Giám sát CTR thông thường	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTR thông thường	Toàn khu vực dự án	Thường xuyên	- Báo cáo ĐTM
2	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTNH	Toàn khu vực dự án	Thường xuyên	- Báo cáo ĐTM
II Giai đoạn dự án đi vào hoạt động					
1	Giám sát không khí	Vi khí hậu, bụi, độ ồn, VOC, hơi kềm.	01 mẫu tại vị trí khu vực hàn, khu vực cắt.	06 tháng/lần	QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
2	Giám sát môi trường lao động	Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), Ánh sáng, Tiếng ồn, bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ .	01 mẫu tại khu vực sản xuất.	06 tháng/lần	QCVN 22: 2016/BYT ; QCVN 24: 2016/BYT; QCVN 26: 2016/BYT; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
3	Giám sát CTR thông thường	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTR thông thường	Toàn khu vực dự án	Thường xuyên	- Báo cáo ĐTM
4	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTNH	Toàn khu vực dự án	Thường xuyên	- Báo cáo ĐTM

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình

thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tam Kỳ để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và thực hiện các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.6. Thu gom, xử lý các loại khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự

án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường.

7.7. Xây dựng, đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.8. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.9. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.10. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.11. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.